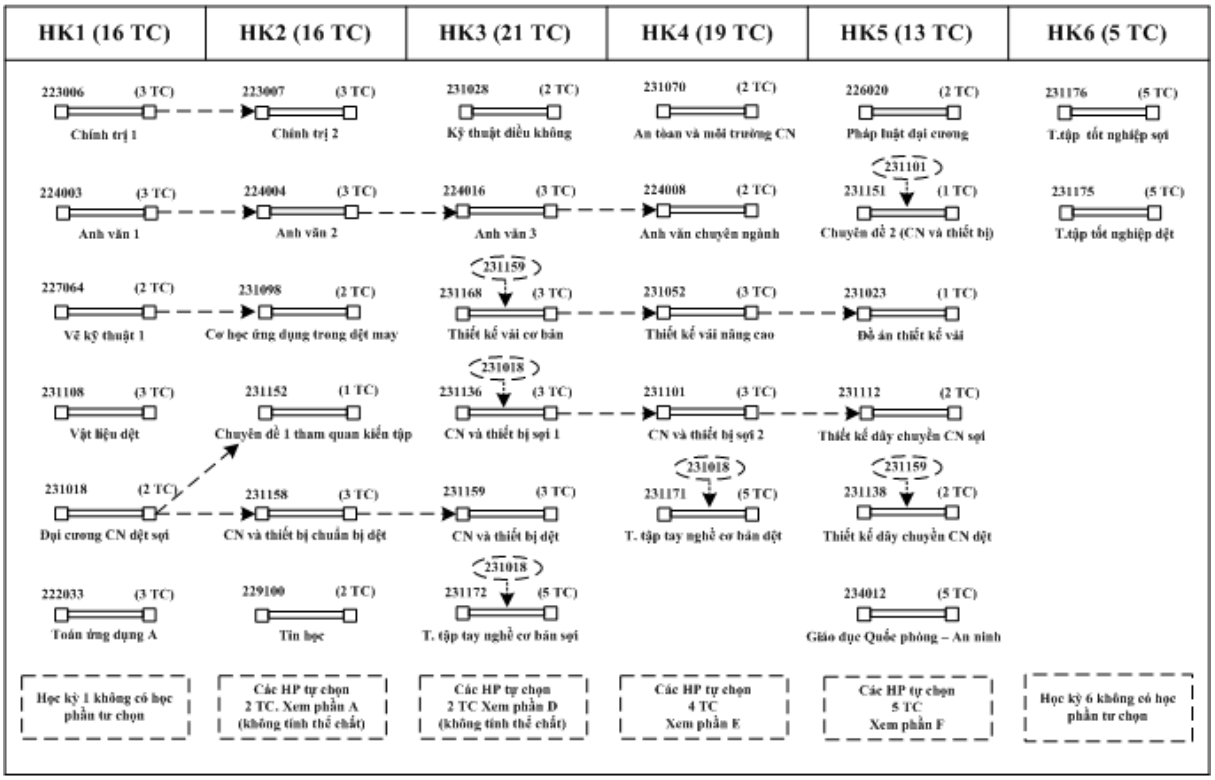
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ SỢI DỆT

(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**16**	
1	223006	Chính trị 1	3	
2	224003	Anh văn 1	3	
3	222033	Toán ứng dụng A	3	
4	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	
5	231108	Vật liệu dệt	3	
6	231018	Đại cương công nghệ dệt sợi	2	
Học kỳ 2: 16 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**14**	
7	223007	Chính trị 2	3	
8	229100	Tin học	2	
9	224004	Anh văn 2	3	
10	231152	Chuyên đề 1 (tham quan, kiến tập)	1	
11	231098	Cơ học ứng dụng trong dệt may	2	
12	231158	Công nghệ và thiết bị chuẩn bị dệt	3	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
13.2	234006	Bóng đá 1	2	
13.3	234007	Bóng rổ 1	2	
13.4	234008	Cầu lông 1	2	
13.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			**2**	
14.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	
14.2	229030	Tin học văn phòng	2	
14.3	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**19**	
15	231172	Thực tập tay nghề cơ bản sợi (5 tuần)	5	
16	224016	Anh văn 3	3	
17	231159	Công nghệ và thiết bị dệt	3	
18	231136	Công nghệ và thiết bị sợi 1	3	
19	231168	Thiết kế vải cơ bản	3	
20	231028	Kỹ thuật điều không	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
21.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
21.2	234010	Bóng đá 2	2	

21.3	234011	Bóng rổ 2	2	
21.4	234013	Cầu lông 2	2	
21.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
22.1	231164	Quản lý và sửa chữa thiết bị sợi, dệt	2	
22.2	231153	Công nghệ dệt kim	2	
22.3	231160	Công nghệ wash sản phẩm may	2	
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**15**	
23	231171	Thực tập tay nghề cơ bản dệt (5 tuần)	5	
24	231052	Thiết kế vải nâng cao	3	
25	231101	Công nghệ và thiết bị sợi 2	3	
26	231070	An toàn và môi trường công nghiệp (Dệt may)	2	
27	224008	Anh văn chuyên ngành (Dệt)	2	
Học phần tự chọn			**2**	
28.1	226017	Môi trường và con người	2	
28.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
Học phần tự chọn			**2**	
29.1	231053	Thiết kế vải trên máy tính	2	
29.2	231155	Công nghệ không dệt	2	
29.3	231154	Công nghệ hoàn tất vải	2	
Học kỳ 5: 13 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			**8**	
	226020	Pháp luật đại cương	2	
31	234012	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	5	
32	231023	Đồ án thiết kế vải	1	
33	231112	Thiết kế dây chuyền công nghệ sợi	2	
34	231138	Thiết kế dây chuyền công nghệ dệt	2	
35	231151	Chuyên đề 2 (Công nghệ và thiết bị)	1	
Học phần tự chọn			**5**	
36.1	*Khóa luận tốt nghiệp (sinh viên chọn 1 trong 2)*			
	231079	Khóa luận tốt nghiệp sợi	5	
	231078	Khóa luận tốt nghiệp dệt	5	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
36.2	231162	Kiểm tra chất lượng sản phẩm sợi, dệt	2	
36.3	231161	Định mức kinh tế kỹ thuật trong ngành dệt	3	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**5**	
37	*Thực tập tốt nghiệp (sinh viên chọn 1 trong 2)*			
	231176	Thực tập tốt nghiệp sợi	5	
	231175	Thực tập tốt nghiệp dệt	5	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ SỢI, DỆT(90 TC)
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

